TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2024/QĐST-DS	*Thọ Xuân, ngày 30 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Minh Tiến

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1985; Vắng mặt.

+ Ông **Vũ Đình Đ**, sinh năm 1984; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu, các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu là bà Lê Thị B trình bày:

Theo bản án số 29B/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân và Quyết định số 91/2019/QĐ-PT ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết buộc bà Lê Thị N phải trả nợ cho bà (Lê Thị B) số tiền 256.400.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà đã làm

đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân tổ chức thi hành bản án theo quy định. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân đã ra quyết định thi hành án số 180/QĐ-CCTHADS ngày 15/01/2020. Qúa trình thi hành án Chi cục Thi hành án đã tiến hành xác minh về tài sản của bà N và đôn đốc nhiều lần nhưng bà N không tự nguyện thi hành án. Theo thông báo của C thi hành án bà được biết bà Lê Thị N có tài sản chung với ông Vũ Đình Đ, sinh năm 1984 (chồng bà N) là nhà đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5, diện tích 146,9m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, mang tên ông Vũ Đình Đ và bà Lê Thị N. Căn cứ thông báo số 225 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân bà được biết ông Vũ Đình Đ và bà Lê Thị N không tự nguyện làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản để thi hành án. Vì vậy bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Lê Thị N để thi hành án. Nay bà B đề nghị Tòa án giải quyết xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Lê Thị N trong khối tài sản chung với chồng (ông Vũ Đình Đ) là Nhà và đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5, diện tích 146,9m^2, địa chỉ:Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, để thi hành án.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2024 và Biên bản xác minh ngày 15/5/2024, xác định: Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 460599, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02312, cấp ngày 30/7/2017, mang tên ông Lê Đình Đ1 và bà Lê Thị N, với diện tích 146,9m^2, trong đó: đất ở tại nông thôn 120m^2, đất trồng cây hàng năm 26,9m^2. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng đất được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất (Đất nông trường bàn giao về xã X vào năm 2010). Tài sản trên đất: 01 nhà cấp 4 xây tường gạch, lợp tôn xốp và tôn thường; 01 khu nhà vệ sinh.

Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N và ông Vũ Đình Đ không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có mặt theo giấy triệu tập và không chấp hành các quyết định của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết: Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 367, Điều 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 210, Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 33, Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Lê Thị B. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xác định bà Lê Thị N được quyền sở hữu giá trị tài sản gồm: 1/2 giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5, diện tích 146,9m^2, địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện

T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số CH 460599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02312, cấp ngày 30/7/2017, mang tên ông Vũ Đình Đ và bà Lê Thị N; 1/2 giá trị tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà cấp 4 xây tường gạch, lợp tôn xốp và tôn thường; 01 khu nhà vệ sinh.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Lê Thị N, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (là người phải thi hành án) để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N và ông Vũ Đình Đ được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên họp không có lý do, nên căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Theo bản án số 29B/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân và Quyết định số 91/2019/QĐ-PT ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thì bà Lê Thị N phải trả nợ cho bà Lê Thị B số tiền 256.400.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả. Sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, bà B đã làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân đã ra quyết định thi hành án số 180/QĐ-CCTHADS ngày 15/01/2020 và tổ chức thi hành án theo quy định. Qúa trình thi hành án Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân đã tiến hành đôn đốc nhiều lần nhưng bà N không tự nguyện thi hành án. Tiến hành xác minh về tài sản của bà N xác định bà N không có tài sản riêng, chỉ có tài sản chung với chồng ông Vũ Đình Đ, là Nhà và đất ở tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5, diện tích 146,9m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số CH 460599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02312, cấp ngày 30/7/2017, mang tên ông Vũ Đình Đ và bà Lê Thị N. Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân đã thông báo cho bà Lê Thị N và ông Vũ Đình Đ biết quyền tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, nhưng hết thời hạn theo quy định bà N và ông Đ không có thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thực hiện theo Thông báo của Chi cục Thi hành án bà B đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xác

định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Lê Thị N trong khối tài sản chung với ông Vũ Đình Đ để thi hành án, là phù hợp.

Căn cứ vào Biên bản xác minh điều kiện thi hành án do Chấp hành viên lập; Biên bản xác minh về tài sản; Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, có cơ sở xác định: Diện tích đất 146,9m^2 và tài sản trên đất, tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là tài sản chung, thuộc sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng bà Lê Thị N, ông Vũ Đình Đ. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B và ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên họp, xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Lê Thị N trong khối tài sản chung với ông Vũ Đình Đ là 1/2 (50%) để thi hành án, là phù hợp.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Người yêu cầu bà Lê Thị B tự nguyện chịu (đã nộp và thanh toán xong), nên không xét.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Lê Thị B phải chịu lệ phí theo quy định. Tuy nhiên, xét bà B là người cao tuổi, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự cho bà Lê Thị B.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 210, Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 33, Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Lê Thị B.

Xác định bà Lê Thị N được phần quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với 1/2 (50%) tài sản, gồm: Diện tích đất 146,9m^2 và tài sản trên đất, tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số CH 460599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02312, cấp ngày 30/7/2017, mang tên ông Vũ Đình Đ và bà Lê Thị N, để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn tiền lệ phí sơ thẩm cho bà Lê Thị N.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt được quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng

cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa án ra quyết định.

- Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Người yêu cầu;
- Người có quyên lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Minh Tiến